TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 304/2025/QĐ-PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Vũ Ngọc Huynh

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 38/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc D: Ông Diệp Minh H1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: F Đ, Phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1 đường N, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp);

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Văn N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 6, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

2. Ông Bùi Thanh Q, sinh năm 1949 (đã chết năm 2019);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh Q Quang:

2.1. Bà Hồ Thị N1, sinh năm 1957;

2.2. Ông Bùi Thanh D1, sinh năm 1980;

2.3. Ông Bùi Thanh T1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

2.4 Ông Bùi Thanh T2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

2.5 Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai);

3. Ông Bùi Thanh Q1, sinh năm 1953

Địa chỉ: Ấp Long Bình B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Á, sinh năm 1955

2. Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Ấp Long Bình B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

3. Bà Bùi Thị N2**,** sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

4. Bà Bùi Thị N3, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số B, L, phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh);

5. Bà Bùi Thị N4, sinh năm 1972, Quốc tịch Australia

Địa chỉ: Số B, S, INALA, QLD 4077, Australia.

6. Bà Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1941 (Chết năm 2006)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1939 (chết năm 2017)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số D, L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số A, tổ D, ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số H, đường C, khu phố B, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- Ông Nguyễn Hữu D2, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số F, đường số H, khu phố A, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Ông Nguyễn Hữu D3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ C, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

7. Bà Nguyễn Kim B1, sinh năm 1946 (Chết năm 2005)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố *tụng*:

- Ông Mai Văn H4, sinh năm 1941

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Bùi Hữu Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Bà Bùi Thị Mỹ N5, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Bùi Hữu T6, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số H, ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh);

- Ông Mai Châu T7, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

8. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1945

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

9. Bà Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1948 (chết năm 1999);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1951 (chết năm 2022).

- Bà Nguyễn Ngọc T9, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Ngọc B2, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn Ngọc D4, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Bà Nguyễn Thị Xuân N6, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp);

10. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

11. Ông Nguyễn Tấn T10, sinh năm 1964 (chết năm 2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn T10:

- Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Ông Nguyễn N7, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số A đường M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Bà Nguyễn N8, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

- Bà Nguyễn Ngọc Kim N8, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp);

12. Ủy ban nhân dân huyện C.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Ấp A xã L, tỉnh Đồng Tháp;

13. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Đ);

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

14. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1 – Đồng Tháp);

Địa chỉ: Số H N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

15. Văn phòng C3.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

Tại đơn kháng cáo đề ngày 07/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D (có ông Diệp Minh H1 là đại diện theo ủy quyền) đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 38/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh

Đồng Tháp), chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp trình bày quan điểm giải quyết vụ việc: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 38/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp).

XÉT THẤY:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện việc giải quyết của Uỷ ban nhân dân đối với tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị S liên quan đến phần đất có có diện tích 3.292m^2 thửa số 820, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang như sau:

- Ngày 30/7/1990, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 1081/QĐ.UB.90 về việc buộc ông Nguyễn Ngọc D, ấp E xã T, giao trả lại 3.200m^2 đất ruộng cho bà Nguyễn Thị S.

- Ngày 18/5/1991, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 565/QĐ.UB.91 về việc buộc thi hành Quyết định số 1081/QĐ.UB.90 ngày 30/7/1990.

- Ngày 13/8/2001, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 1151/QĐUB về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 3.200m^2 tọa lạc tại ấp E, xã T giữa bà Nguyễn Thị S ngụ ấp L, xã L và Nguyễn Ngọc D ngụ ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang với nội dung: Buộc ông Nguyễn Ngọc D trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày triển khai quyết định này phải giao trả thửa đất số 820 diện tích 3.292m^2 loại đất quả tọa lạc tại ấp E, xã T cho bà Nguyễn Thị S, ngụ ấp L, xã L.

- Ngày 15/3/2002, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 526/QĐ.UB về việc giữ nguyên quyết định số 1151/QĐUB ngày 13/8/2001.

- Ngày 01/7/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có Quyết định số 2409/QĐ.UB về việc bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc D ngụ ấp E, xã T, huyện C; Chuẩn y quyết định số 526/QĐ.UB ngày 15/3/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc D; Việc đền bù tài sản trên đất giữa ông Nguyễn Ngọc D với bà Nguyễn Thị S do hai bên tự thỏa thuận, nếu hai bên không tự thương lượng được thì khởi kiện tại Tòa án nhân dân.

- Ngày 03/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh T có văn bản số 5998/UBND-TD về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Ngọc D với nội dung việc khiếu nại của

ông D đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đúng chính sách pháp luật; ngoài ra việc khiếu nại của ông D không có tình tiết mới phát sinh để làm thay đổi nội dung đã giải quyết và yêu cầu ông D chấm dứt khiếu nại.

[2] Quá trình khởi kiện của ông D tại Tòa án như sau:

- Ngày 02/01/2013, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thụ lý vụ án hành chính về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc D, với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; Đối tượng bị kiện là các Quyết định số 1081/QĐ.UB ngày 30/9/1990 và Quyết định số 1151/QĐ.UB ngày 13/8/2001. Ngày 18/02/2014, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/QĐST-HC với lý do: Việc khởi kiện của ông D không thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 (đã được Uỷ ban nhân dân giải quyết khiếu nại). Ngày 01/7/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định hành chính phúc thẩm số 09/2014/QĐHC-PT giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

- Ngày 06/3/2018, Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 09/2018/HC-GĐT, hủy quyết định sơ thẩm và quyết định phúc thẩm nêu trên; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định pháp luật.

- Sau khi thụ lý lại hồ sơ vụ án, ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 39/2019/QĐST-HC với lý do: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Ngày 08/5/2020, 14/8/2020 ông D có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Bùi Thanh Q (con của bà Nguyễn Thị S) với các yêu cầu:

+ Công nhận phần đất có diện tích diện tích 3.292m^2 thửa số 820, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông D; Buộc ông Lê Văn T chấm dứt hành vi quản lý, sử dụng và trả lại diện tích đất trên; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số H069, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/11/2016 giữa ông Bùi Thanh Q và ông Lê Văn T; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00383 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho ông T ngày 24/01/2017 đối với phần diện tích đất trên, hủy phần thay đổi vào ngày 14/02/2019 (tách ra thửa 4106 diện tích 300m^2).

+ Buộc ông Bùi Thanh Q, ông Bùi Thanh Q1 (là các con của bà Nguyễn Thị S) bồi thường thiệt hại số cây trồng của ông do gia đình ông Q, ông Q1 tự ý chặt phá vào ngày 14/4/2008 với số tiền là 450.638.000 đồng.

- Ngày 30/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 17/2023/QĐST-DS với lý do: Nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của ông Bùi Thanh T2 và ông Bùi Thanh P (là người thừa kế của ông Q).

- Ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định phúc thẩm số 588/2023/QĐ-PT, hủy Quyết định sơ thẩm số 17/2023/QĐST-DS ngày 30/3/2023, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Theo nội dung nêu tại mục [1] thì phần diện tích đất tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị S. Ngày 30/9/2004 bà S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) số 04189 QSDĐ. Ngày 08/7/2016 Bà Nguyễn Thị S chuyển quyền lại cho con ruột là Bùi Thanh Q đứng tên quyền sử dụng đất; Ngày 08/01/2017 ông Q chuyển nhượng lại cho ông Lê văn T đứng tên Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 820 diện tích 3.292m^2 tại ấp E, xã T, huyện C.

[4] Theo Án lệ số 71/2024/AL về việc nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nguyên đơn tiếp tục khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất đó và yêu cầu hủy quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nguyên đơn không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tranh chấp thì Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông D liên quan đến quyền sử dụng đất có diện tích 3.292m^2 thuộc thửa 820 tại ấp E, xã T, huyện C là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu: Buộc ông Bùi Thanh Q, ông Bùi Thanh Q1 là những người con của bà S phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số cây trồng của ông D do gia đình hai người này tự ý chặt phá vào ngày 10/4/2008 với số tiền 450.638.000 đồng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, các đương sự đã yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của ông D xác định thiệt hại xảy ra vào ngày 10/4/2008 (theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2020, ông D nêu là ngày 14/4/2008), đến ngày 28/5/2020 thì ông D mới khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015 (thời hiệu khởi kiện là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm).

[6] Theo nội dung nhận định nêu tại mục [4], [5] thì Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông D là đúng quy định pháp luật.

[7] Tại đơn kháng cáo, ông D (do ông H1 là đại diện) cho rằng Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa ông D và bà S theo quy định tại mục 3 tiểu mục 3.3 Thông tư liên tịch số 01/2022/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2022; đồng thời các quyết định giải quyết của Uỷ ban nhân dân là chưa có hiệu lực pháp luật nên không thuộc trường hợp áp dụng Án lệ số 71/2024/AL.

[8] Xét thấy, theo nội dung Bản án giám đốc số 09/2028/HC-GĐT, Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định việc khởi kiện vụ án hành chính của ông D là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011, không có nội dung áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2022/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2022. Hơn nữa, quá trình giải quyết khiếu nại tại Uỷ ban nhân dân, ông D chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp về tài sản trên đất. Do đó, việc giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T là đúng thẩm quyền.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 39/2019/QĐST-HC ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có nội dung: "Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án trên theo quy định pháp luật". Ngày 08/5/2020, ông D khởi kiện lại vụ án nhưng khởi kiện vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy các quyết định hành chính cá biệt". Nếu trong trường hợp ông D khởi kiện lại vụ án hành chính thì việc khởi kiện đối với các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T cũng đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính (thời hiệu khởi kiện là 01 năm tính từ ngày 10/5/2018 (là ngày Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý lại hồ sơ vụ án)).

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 38/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp) như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp là có căn cứ chấp nhận.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1951 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D (có ông Diệp Minh H1 là đại diện theo ủy quyền);

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 38/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc D được miễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu. (QĐ-PPC).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Nhựt Bình